TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 300/2021/DS-PT
Ngày 25 – 5 – 2021
V/v tranh chấp chia thừa kế theo pháp luật và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Văn Duẩn – Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Khánh Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 41/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp chia thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2020/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 751/2021/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1952;

Hộ khẩu thường trú: Ấp Khương N, xã L B, huyện G C T, tỉnh Tiền Giang;

Chỗ ở hiện nay: Số 8/15B, đường Võ Duy Linh, Khu phố 2, Phường 5, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, *(có mặt).*

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Ấp Khương N, xã L B, huyện G C T, tỉnh Tiền Giang, *(vắng mặt).*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1970;

Địa chỉ: 1403W.C Ave A, CA 92802 USA, *(vắng mặt).*

2. Ông Nguyễn Trí T, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số 119, Tr C T, Khu phố 1, Phường 5, thị xã Gò C, tỉnh Tiền Giang, *(vắng mặt).*

3. Bà Trương Thanh Ng, sinh năm 1941, *(vắng mặt);*

4. Bà Nguyễn Thị Thanh Tu, sinh năm 1967, *(vắng mặt);*

5. Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1970, *(vắng mặt);*

6. Ông Nguyễn Trí D, sinh năm 1974, *(vắng mặt).*

Cùng địa chỉ: Ấp Tự Túc, xã Th Đ, huyện C Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

7. Ông Huỳnh Thanh Nhân, sinh năm 1955, *(vắng mặt);*

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nhân (theo Giấy ủy quyền ngày 01/4/2021): Bà Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1953;

Cùng địa chỉ: Ấp Khương N, xã L B, huyện G C T, tỉnh Tiền Giang, *(vắng mặt).*

8. Bà Huỳnh Thị Ngọc Lan, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp Khương N, xã L B, huyện G C T, tỉnh Tiền Giang, *(vắng mặt).*

9. Ông Huỳnh Phát Đ, sinh năm 1986, *(vắng mặt);*

10. Bà Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1986, *(vắng mặt);*

Cùng địa chỉ: Số 20/97/20H, đường H T Ph, Khu phố 6, thị trấn Nhà Bè, huyện Nh B, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng Ph – Trưởng phòng Kỹ thuật hạ tầng Viettel Tiền Giang, Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội;

Địa chỉ: Số 66, đường Đ B L, Khu phố 5, Phường 9, thành phố M Th, tỉnh Tiền Giang, *(có mặt).*

12. Ủy ban nhân dân huyện G C T, tỉnh Tiền Giang;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Thanh B, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G C T, tỉnh Tiền Giang, *(xin vắng mặt).*

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/7/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/5/2018 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thương trình bày:

Cha mẹ bà T1 là cụ Nguyễn Văn Th, sinh năm 1921 (chết năm 1996) và cụ Nguyễn Thại B, sinh năm 1921 (chết năm 2003), có 04 người con chung là:

+ Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1940 (chết năm 2005), có vợ là bà Trương Thanh Nguyệt, sinh năm 1941 và 04 người con chung gồm: Nguyễn Trí T, sinh năm 1965; Nguyễn Thị Thanh Tn, sinh năm 1967; Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1970; Nguyễn Trí D, sinh năm 1974.

+ Ông Nguyễn Trung Tr, sinh năm 1942 (chết năm 1970), có vợ là bà Nguyễn Thị Mộng H (đã chết ở nước Mỹ không rõ năm sinh, năm chết) và 01 người con là Nguyễn Quang T, sinh năm 1972.

+ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1952;

+ Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1953;

Lúc sinh thời, cha mẹ bà T1 có tạo lập khối tài sản gồm phần dất diện tích 2.228,2m^2 loại đất thổ cư và cây lâu năm (trong đó 300m^2 là đất thổ cư), thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 2, tại Ấp Khương N, xã L B, huyện G C T, tỉnh Tiền Giang.

Sau khi cha mất, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà T1 đi làm ăn ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, bà Thủy tự ý kê khai đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện G C T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: 147/QSDĐ ngày 10/12/1996. Sau đó, UBND huyện G C T cấp đổi cho bà Nguyễn Thị Thu T2 thành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: 00303 ngày 17/9/2003; đến năm 2013, UBND huyện G C T cấp cho bà Nguyễn Thị Thu T2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ BN 930051 ngày 17/9/2013.

Vì vậy, bà T1 yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Chia thừa kế theo pháp luật di sản của cha mẹ bà T1 để lại là quyền sử dụng thửa đất số 8, tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại Ấp Khương N, xã L B, huyện G C

T, tỉnh Tiền Giang. Bà T1 yêu cầu chia đều phần đất này cho bà Thương và bà Thủy; bà T1 yêu cầu được nhận bằng đất.

+ Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện G C T cấp cho bà Nguyễn Thị Thu T2 năm 1996; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00303 ngày 17/9/2003 do UBND huyện G C T cấp cho bà Nguyễn Thị Thu T2; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 930051 ngày 25/9/2013 của UBND huyện G C T cấp cho bà Nguyễn Thị Thu T2 đối với thửa số 08, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại Ấp Khương N, xã L B, huyện G C T, tỉnh Tiền Giang.

- Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu Thủy trình bày:

Về hàng thừa kế của cụ Thiện và cụ Ba thì bà T2thống nhất với lời trình bày của bà T1. Bà T2không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T1 vì phần đất tranh chấp do bà T2đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996 sau khi cụ Thiện mất vào năm 1995. Bà T2không đồng ý chia đất vì bà T2được đứng tên phần đất này từ năm 1996 do cụ Thiện cho bà T2lúc mẹ bà Thủy còn sống, lúc đó còn người anh tên Nguyễn Ngọc Tôn cũng còn sống. Nếu phải chia theo quy định pháp luật thì bà T2yêu cầu chia đều cho các anh chị em, đồng thời phải tính công sức cho bà T2vì bà T2có công sức gìn giữ tài sản và nuôi dưỡng cha mẹ, lo chôn cất khi cha mẹ chết.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh Nhân thống nhất với ý kiến của bà Thủy.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trí Toàn, bà Trương Thanh Nguyệt, bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền, bà Nguyễn Thị Thanh Thảo và ông Nguyễn Trí Dõng có đơn xin vắng mặt và có Bản tường trình ngày 10/9/2019 với nội dung:

Cụ Nguyễn Văn Th (chết năm 1996) và cụ Nguyễn Thại B (chết năm 2002), có 04 người con chung là: Ông Nguyễn Ngọc Tôn, sinh năm 1940 (chết năm 2005); ông Nguyễn Trung Trực, sinh năm 1945 (chết năm 1970); bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1952; bà Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1953. Lúc sinh thời, cụ Thiện và cụ Ba tạo lập được khối tài sản là phần đất do ông Nguyễn Trí Toàn đứng tên quyền sử dụng đất và phần đất do bà Nguyễn Thị Thu Thủy đang đứng tên quyền sử dụng đất. Do không hòa hợp nên cụ Thiện, cụ Ba mỗi người sống một nơi, cụ Thiện ở phần đất do bà T2đang quản lý, sử dụng và đứng tên chủ quyền, cụ Ba ở phần đất do ông Nguyễn Trí Toàn đang đứng tên quyền sử dụng nhưng thỉnh thoảng cụ Thiện, cụ Ba vẫn tới lui. Đến năm 1988-

1989, cụ Thiện, cụ Ba chia phần đất do ông Nguyễn Trí Toàn đang đứng tên quyền sử dụng cho ông Nguyễn Ngọc Tôn nhưng ông Tôn không đứng tên mà cho con là Nguyễn Trí Toàn đứng tên, nên hàng thừa kế của ông Tôn từ chối không nhận kỷ phần thừa kế. Riêng phần đất bà T2đang quản lý sử dụng thì cho bà Thương và bà T2nhưng chỉ nói miệng, vì cụ Thiện và cụ Ba đánh giá bà Thương không có khả năng giữ tài sản lớn và sợ bà Thương làm tiêu tan tài sản do cụ Thiện và cụ Ba tặng cho. Nhưng sau đó bà T2tự ý làm giấy chủ quyền sang tên bà T2đứng tên. Đến khoảng năm 2014 – 2015, bà Thương về sinh sống trên phần đất tranh chấp hiện nay nhưng do sống không hợp, gây gỗ với bà T2nên bà Thương tiếp tục bỏ đi. Đối với phần đất tranh chấp, bà T2có công giữ gìn, bồi thố nhưng hiện nay bà Thương không có chỗ ở nên cần chia cho bà Thương một phần đất để bà Thương có chỗ sinh sống.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội trình bày: Không có ý kiến về nội dung vụ án tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn nhưng các bên phải có nghĩa vụ tôn trọng Hợp đồng số 050/TGG/HĐTMB đã ký kết với Viettel Tiền Giang ngày 08/9/2007 về nhà trạm viễn thông xây trên đất tranh chấp.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Phát Đạt và bà Nguyễn Thị Thúy Liêm đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có ý kiến về vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Ngọc Lan từ chối tham gia tố tụng và cũng không có ý kiến về vụ án.

Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang Trung đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số:26/2020/DS-ST ngày 14/8/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1.

1.1 Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T1 về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 2.216,6m^2 loại đất thổ cư và cây lâu năm (trong đó 300m^2 là đất thổ cư), thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 2 tại Ấp Khương N, xã L B, huyện G C T, tỉnh Tiền Giang.

+ Chia cho bà T1 phần đất có ký hiệu S1 và S2 trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc ngày 23/10/2019 của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường INCOM, có diện tích 554,5m^2 (trong đó có 75m^2 đất thổ cư), có tứ cận như sau: Hướng Bắc giáp kênh bờ Đáy; hướng Nam giáp phần đất còn lại của thửa số 8; hướng Đông giáp đường huyện 16 và cầu xóm lá; hướng Tây giáp đất Nguyễn Văn Sơn *(có sơ đồ kèm theo).*

+ Bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ hoàn trả giá trị cây trồng gồm 20 bụi chuối loại A (20 x 257.000 đồng) là 5.140.000 đồng, 05 cây dừa nhỏ loại D (5 x 500.000 đồng) là 2.500.000 đồng, 02 cây dừa loại B2 (2 x 535.000 đồng) là 1.070.000 đồng, 01 cây mãng cầu xiêm là 248.000 đồng, 01 cây cam (bưởi) là 469.000 đồng, một cây xoài B2 (2 năm) là 793.000 đồng , chi phí hỗ trợ di dời 04 cây mai là 156.000 đồng, tổng giá trị cây trồng bà Thương hoàn trả và hỗ trợ di dời cho bà T2là 10,376,000 đồng, hàng rào xung quanh S2 (bê tông + lưới B40) là 50,28m x 426.000 đồng x 60% = 21.419.000 đồng. Như vậy bà Thương phải hoàn trả giá trị chênh lệch cho bà Thủy là 31.795.280 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

+ Bà T1 có nghĩa vụ cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu T2 đặt ống thoát nước hết chiều dài (15,46m) hướng tây giáp đất ông Nguyễn Văn Sơn.

1.2. Bà Nguyễn Thị Thủy được nhận 02 kỷ phần thừa kế bằng đất với tổng diện tích là 1.109m^2, mỗi kỷ phần có giá trị là 2.090.305.400 đồng. Tiếp tục giao cho bà Thủy quản lý sử dụng kỷ phần thừa kế mà ông Nguyễn Quang T được hưởng, khi ông Trung có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1 về việc hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 147/QSDĐ thửa số 1330 tờ bản đồ số 3 do Ủy ban nhân dân huyện G C T cấp cho bà Nguyễn Thị Thu T2 vào ngày 10/12/1996, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00303 ngày 17/9/2003 do Ủy ban nhân dân huyện G C T cấp đổi cho bà Nguyễn Thị Thu T2 đối với thửa số 8, tờ bản đồ số 2 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 930051 ngày 25/9/2013 do Ủy ban nhân dân huyện G C T cấp đổi cho bà Nguyễn Thị Thu T2 đối với thửa đất số 8, tờ bản đồ số 02, với diện tích 2.228,2m^2 (đo đạc thực tế là 2.216,6m^2), tọa lạc tại Ấp Khương N, xã L B, huyện G C T, tỉnh Tiền Giang.

Khi án có hiệu lực pháp luật đương sự được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/8/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng: Chia di sản thừa kế làm 03 phần, trong đó chia cho bà T1, bà Thủy và ông Nguyễn Quang T mỗi người một phần; bà T1 yêu cầu được nhận phần đất diện tích 242,2m^2 bà T1 được chia nằm ở hướng nam khu đất tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát đối với việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự có mặt tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ của vụ án thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bà T1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo bà Nguyễn Thị T1 và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội có mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện G C T, tỉnh Tiền Giang có đơn xin xét xử vắng mặt; các đương sự còn lại, có đương sự từ chối tham gia tố tụng từ giai đoạn sơ thẩm hoặc đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, như sau:

[1] *Về tố tụng:* Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định:

[2.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thương khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cha mẹ bà T1 để lại là quyền sử dụng phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 2.216,6m^2 loại đất thổ cư và cây lâu năm (trong đó 300m^2 là đất thổ cư), thuộc thửa đất số 8, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại Ấp Khương N, xã L B, huyện G C T, tỉnh Tiền Giang. Hiện nay, diện tích đất này UBND huyện Gò Công Tây đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 930051 ngày 17/9/2013 cho bà Nguyễn Thị Thu Thủy đứng tên.

[2.2] Trong quá trình tham gia giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất thừa nhận nguồn gốc phần đất tranh chấp do là cụ Nguyễn Văn Th, sinh năm 1921 (chết năm 1996) và cụ Nguyễn Thại B, sinh năm 1921 (chết năm 2003) cùng tạo lập để lại. Sau khi cụ Thiện mất, bà T2kê khai và được đứng tên từ năm 1996 đến nay. Bà T1 và bà Thủy thống nhất đất tranh chấp có diện tích như Công ty TNHH Tài nguyên và môi trường INCOM đo đạc là 2.216,6m^2. Đồng thời, các đương sự cũng thừa nhận, cụ Thiện và cụ Ba có 04 người con chung là: Ông Nguyễn Ngọc Tôn, sinh năm 1940 (chết năm 2005), có vợ là bà Trương Thanh Nguyệt, sinh năm 1941 và có 04 người con chung là Nguyễn Trí Toàn, sinh năm 1965, Nguyễn Thị Thanh Tuyền, sinh năm 1967, Nguyễn Thị Thanh Thảo, sinh năm 1970, Nguyễn Trí Dõng, sinh năm 1974; Ông Nguyễn Trung Trực, sinh năm 1942 (chết năm 1970), có vợ là bà Nguyễn Thị Mộng Hòa (đã chết ở Mỹ không rõ năm sinh, năm chết) và có 01 người con là Nguyễn Quang T, sinh năm 1970; bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1953.

[2.3] Do cụ Thiện và cụ Ba không để lại di chúc và hàng thừa kế của ông Tôn là bà Nguyệt, ông Toàn, bà Tuyền, bà Thảo, ông Dõng có ý kiến từ chối nhận di sản, nên bà T1 yêu cầu chia thừa kế làm 03 kỷ phần, trong đó bà T1 được hưởng 01 kỷ phần bằng hiện vật, còn bà Thủy thì yêu cầu chia làm 04 kỷ phần (bà Thủy được chia 02 kỷ phần, trong đó có 01 kỷ phần bà được hưởng do có công gìn giữ, bồi thố nâng giá trị phần đất).

[2.4] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định vợ chồng bà T2có công gìn giữ, bồi thố phần đất mới có giá trị như hiện nay nên đã chia phần di sản của cụ

Thiện và cụ Ba làm 04 kỷ phần. Theo đó, chia cho bà Thương được hưởng 01 kỷ phần; bà T2được 02 kỷ phần, trong đó có 01 kỷ phần bà Thủy được hưởng do có công gìn giữ, bồi thố nâng giá trị phần đất; ông Trung (là người con ruột ông Trực) có 01 kỷ phần nhưng tiếp tục giao cho bà T2quản lý cho đến khi nào ông Trung có yêu cầu sẽ khởi kiện trong vụ án khác, là có căn cứ, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự theo quy định pháp luật.

[2.5] Căn cứ vào kết quả định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá BTCVALUE thì phần đất diện tích đo đạc thực tế 2.216,6m^2 có tổng giá trị là 8.361.221.600 đồng chia làm 04 kỷ phần, mỗi kỷ phần có giá trị là 2.090.305.400 đồng. Do bà Thương có yêu cầu được nhận bằng hiện vật và hiện nay bà Thương không có nhà để ở nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chia cho bà Thương bằng hiện vật để bà T1 có chỗ ở. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm cũng xét việc bà T1 yêu cầu được nhận phần đất từ kênh bờ Đáy ngược vào nên đã chia cho bà Thương phần đất có ký hiệu S1 và S2, diện tích 554,5m^2 trên sơ đồ đo đạc ngày 23/10/2019 của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường INCOM, là có căn cứ và phù hợp với yêu cầu của bà T1.

[2.6] Tuy nhiên, do trên diện tích đất bà T1 được chia có cây trồng của bà Thủy nên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bà Thương phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Thủy giá trị cây trồng trên đất gồm: 20 bụi chuối loại A (20 x 257.000 đồng) có giá trị là 5.140.000 đồng, 05 cây dừa nhỏ loại D (5 x 500.000 đồng) có giá trị là 2.500.000 đồng, 02 cây dừa loại B2 (2 x 535.000 đồng) có giá trị là 1.070.000 đồng, 01 cây mãng cầu xiêm có giá trị là 248.000 đồng, 01 cây cam (bưởi) có giá trị là 469.000 đồng, một cây xoài B2 (2 năm) có giá trị là 793.000 đồng, chi phí hỗ trợ di dời 04 cây mai là 156.000 đồng; tổng giá trị cây trồng bà Thương hoàn trả và hỗ trợ di dời cho bà T2là 10.376.000 đồng. Đồng thời, bà Thương còn có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Thủy giá trị hàng rào xung quanh phần đất có ký hiệu S2 (bê tông + lưới B40) là 50,28m x 426.000 đồng x 60% = 21.419.000 đồng. Như vậy, bà Thương phải hoàn trả cho bà Thủy tổng số tiền 31.795.280đồng là đúng.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy, kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của bà T1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T1 thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực thi hành theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2020/DS-ST ngày 14/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang:

Áp dụng các Điều 26, 39, 147, 153, 165, 227, 228, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 634, 635, 636, 674, 676 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 166, 115 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1.

1.1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T1 về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 2.216,6m^2 loại đất thổ cư và cây lâu năm (trong đó 300m^2 là đất thổ cư), thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 2, tại Ấp Khương N, xã L B, huyện G C T, tỉnh Tiền Giang.

+ Chia cho bà T1 phần đất có ký hiệu S1 và S2 trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc ngày 23/10/2019 của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường INCOM, có diện tích 554,5m^2 (trong đó có 75m^2 đất thổ cư), có tứ cận như sau: Hướng Bắc giáp kênh bờ Đáy; hướng Nam giáp phần đất còn lại của thửa số 8; hướng Đông giáp đường huyện 16 và cầu xóm lá; hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Sơn, *(có sơ đồ kèm theo).*

+ Bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu T2 giá trị cây trồng gồm 20 bụi chuối loại A (20 x 257.000 đồng) là 5.140.000 đồng, 05 cây dừa nhỏ loại D (5 x 500.000 đồng) là 2.500.000 đồng, 02 cây dừa loại B2 (2 x 535.000 đồng) là 1.070.000 đồng, 01 cây mãng cầu xiêm là 248.000 đồng, 01 cây cam (bưởi) là 469.000 đồng, một cây xoài B2 (2 năm) là 793.000 đồng, chi phí hỗ trợ di dời 04 cây mai là 156.000 đồng, tổng giá trị cây trồng bà Thương hoàn trả và hỗ trợ di dời cho bà T2là 10.376.000 đồng, hàng rào xung quanh S2 (bê tông + lưới B40) là 50,28m x 426.000 đồng x 60% = 21.419.000

đồng. Như vậy, bà Thương phải hoàn trả cho bà Thủy tổng số tiền là 31.795.280 đồng (ba mươi mốt triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm tám mươi đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị Thu T2 nếu bà Nguyễn Thị T1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

+ Bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu T2 đặt ống thoát nước hết chiều dài (15,46 m) hướng tây giáp đất ông Nguyễn Văn Sơn.

1.2. Bà Nguyễn Thị Thu T2 được nhận 02 kỷ phần thừa kế bằng đất với tổng diện tích là 1.109m^2, mỗi kỷ phần có giá trị là 2.090.305.400 đồng. Tiếp tục giao cho bà Thủy quản lý sử dụng kỷ phần thừa kế mà ông Nguyễn Quang T được hưởng, khi ông Trung có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1 về việc hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 147/QSDĐ ngày 10/12/1996 do Ủy ban nhân dân huyện G C T cấp cho bà Nguyễn Thị Thu T2 đối với thửa số 1330, tờ bản đồ số 3; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00303 ngày 17/9/2003 do Ủy ban nhân dân huyện G C T cấp đổi cho bà Nguyễn Thị Thu T2 đối với thửa đất số 8, tờ bản đồ số 2 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện G C T cấp đổi cho bà Nguyễn Thị Thu T2 số BN 930051 ngày 25/9/2013 đối với thửa đất số 8, tờ bản đồ số 02, với diện tích 2.228,2m^2 (đo đạc thực tế là 2.216,6m^2) tọa lạc tại Ấp Khương N, xã L B, huyện G C T, tỉnh Tiền Giang.

Khi án có hiệu lực pháp luật đương sự được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Bà Nguyễn Thị T1 vào bà Nguyễn Thị Thu T2 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2- Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị T1 được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 25 tháng 5 năm 2021./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Đình Thanh